TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 415/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Ông Phan Phước Tân.

Thư ký ghi biên bản: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 583/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 665/2022/QĐ-ST ngày 26/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ro Hi N, sinh năm: 2002, nơi cư trú: Tổ 28, ấp L, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông A Bu Ta L, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 15, ấp L, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa Ro Hi N vắng mặt có đơn; ông Ta L vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Ro Hi N trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà và ông Ta L là do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang vào năm 2020.

Cuộc sống chung hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xin ly hôn là do cách sống của ông bà quá khác nhau, ông Ta L không chăm lo gia đình, kinh tế khó khăn lại có con nhỏ dẫn đến thường xuyên tranh cãi, thậm chí là đánh nhau, đời sống hôn nhân rơi vào tình trạng căng thẳng trầm trọng, không khí gia đình vô cùng ngột ngạt. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Ro Hi N yêu cầu được ly hôn với ông A Bu Ta L.

Về con chung: Bà Ro Hi N cho biết, trong quá trình sống chung có 02 con chung tên: A Su R, sinh ngày 27/3/2017 và A Ma L, sinh ngày 25/4/2018. Hiện nay hai con chung đang sống cùng với bà Hi N. Sau khi ly hôn bà Hi N yêu cầu được nuôi dạy hai con chung và không yêu cầu ông Ta L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà là người dân tộc Chăm nhưng có đơn từ chối phiên dịch và yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông Ta L. Đồng thời, bà xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa bảo lưu ý kiến.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông Ta L theo quy định nhưng ông Ta L vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà HI N, ông Ta L để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Thông báo số định danh cá nhân của Công an xã V ngày 05/8/2022 và Biên bản xác minh ngày 05/8/2022 xác định ông Ta L vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp L, xã V, huyện A, tỉnh An Giang chưa tách, chuyển đi nơi khác và có vợ là Ro Hi N sinh sống cùng địa phương.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Ông Ta P là chú ruột của bà Hi N cho biết ông là người dân tộc Chăm, có thể trao đổi trực tiếp bằng Tiếng Việt mà không cần người phiên dịch. Ông Ta L và bà Hi N phát sinh mâu thuẫn khi sinh con đầu, kinh tế khó khăn nên thường xuyên tranh cãi, được gia đình hàn gắn quay lại chung sống nhưng chỉ được một khoảng thời gian ông Ta L bỏ mặt vợ con không chăm lo, không thăm con dù nhiều lần gia đình và bà Hi N liên hệ hàn gắn. Bà Hi N nhận thấy có quay lại chung sống cũng không hạnh phúc nên quyết định ly hôn với ông Ta L.

Tại phiên tòa, bà Hi N vắng mặt có đơn, ông Ta L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Hi N chung sống với ông Ta L đến đầu năm 2022 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông T hiện đang cư trú tại xã V, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ro Hi N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Hi N và ông Ta L xây dựng gia đình thông qua sự mai mối của người lớn nhưng tự nguyện chung sống có tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 26/5/2020 nên

phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà Hi N vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông Ta L. Tại phiên hòa giải bà Hi N yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay bà vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với ông Ta L. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân của ông bà tương đối ngắn từ đầu năm 2022 đến nay nhưng mâu thuẫn thật sự trầm trọng, dẫn đến ông bà đánh nhau cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông bà tự giải quyết với nhau nhưng đến nay không có kết quả.

Bà Hi N cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do mâu thuẫn về kinh tế, ông Ta L không chăm lo, bỏ mặt vợ con nhiều lần bà và gia đình liên hệ nhưng ông không đồng ý tiếp tục chung sống. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của ông Ta P là chú ruột của bà Hi N. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên A Su R, sinh ngày 27/3/2017 và A Ma L, sinh ngày 25/4/2018, hiện do bà Hi N cùng gia đình chăm sóc.

Xét thấy, từ khi ông bà ly thân đến nay cháu A Su R và A Ma L được bà Hi N cùng gia đình nuôi dạy phát triển tốt, môi trường sống ổn định, tình cảm mẹ - con đã gắn bó việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu sau này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Hi N được tiếp tục nuôi con chung.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà Hi N không yêu cầu ông Ta L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà Hi N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Ta L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Hi N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ro Hi N.

1. Về hôn nhân: Bà Ro Hi N được ly hôn với ông A Bu Ta L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 53 ngày 26/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang mang tên ông A Bu Ta L và bà Ro Hi N không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Ro Hi N được tiếp tục nuôi hai con chung tên A Su R, sinh ngày 27/3/2017 và A Ma L, sinh ngày 25/4/2018. Công nhận tự nguyện của bà Hi N không yêu cầu ông Ta L cấp dưỡng nuôi con.

Bà Hi N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Ta L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

3. Về án phí: Bà Ro Hi N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007078 ngày 14/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà Hi N nộp đủ. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/9/2022), các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã ĐKKH (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Nguyễn Thị Thảo Ngân